

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **11/2024/DS-ST**
Ngày : 29.02.2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản, hợp đồng dân sự mua
bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Minh

2. Bà Nguyễn Thị Tài

***Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.***

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh
Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số
112/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản, hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
01A/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số 260 Hàm Nghi, tổ 19, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông K’ Đ, sinh năm 1973 và bà Ka R, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số 09 Bà Triệu, tổ 17, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Q có mặt, ông K’ Đ và bà Ka R vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 15/6/2023 và các lời khai tại Tòa án,
nguyên đơn ông Q trình bày:***

Ông Q không có mối quan hệ anh em, họ hàng với vợ chồng ông K’ Đ, bà Ka R.
Ông Q có bán phân bón và cho vay tiền đối với Ka R, K’ Đ. Cụ thể: Ngày 29/3/2017
cho vay số tiền 20.000.000 đồng, bà Ka R có viết giấy vay nợ, vợ chồng ký tên và lấy
tiền vay tại nhà ông Q, hẹn đến tháng 12/2017 sẽ trả gốc, lãi suất 1,5 %/tháng, trả lãi
hàng tháng, vợ chồng Ka R đã trả lãi đến tháng 02/2018. Còn từ đó đến nay không trả
gốc, lãi cũng không trả tiếp. Năm 2018 ông Q bán thiếu phân bón cho vợ chồng bà Ka

R nhiều lần như sau: Ngày 08/5/2018 bán 02 tạ NPK x 1.200.000 đồng/tạ=2.400.000 đồng, ngày 03/7/2018 bán 01 tạ NPK (hiệu Nga đỏ) là 1.250.000 đồng và 50 kg NPK giá 550.000 đồng, ngày 07/8/2018 bán 01 bao vôi giá 75.000 đồng, 01 bao phân nở giá 200.000 đồng, ngày 08/8/2018 bán 01 tạ Ure giá 860.000 đồng, ngày 02/10/2018 bán 06 tạ phân nở x 800.000 đồng/tạ = 4.800.000 đồng và 01 tạ NPK giá 1.250.000 đồng, 01 tạ Ure xanh 920.000 đồng. Tổng số tiền nợ phân bón là 12.305.000 đồng. Đến ngày 16/3/2020 bà Ka R trả nợ tiền phân bón được 3.205.000 đồng, còn nợ lại 9.100.000 đồng, chốt nợ cả tiền vay và tiền nợ phân bón vợ chồng còn nợ ông Q số tiền 29.100.000 đồng, bà Ka R ký tên. Ngày 20/11/2023 ông K' Đ trả tiếp cho ông Q số tiền nợ phân bón là 3.000.000 đồng, còn nợ lại 26.100.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay ông Q yêu cầu vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R trả số nợ tiền gốc là 26.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Về án phí yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R đã được triệu tập hợp lệ để đến làm việc về nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/01/2024 nhưng không thành vì ông Q có mặt, vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 26.100.000 đồng. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông K' Đ và bà Ka R đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với bị đơn, nhận thấy rằng:

Ông Nguyễn Hữu Q thừa nhận không có mối quan hệ họ hàng, anh em với vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R, có quen biết nhau là có thật. Ông Q có cho vợ chồng Ka R, K' Đ vay tiền và bán thiếu phân bón hóa học. Cụ thể như sau:

Ngày 29/3/2017 cho vay số tiền 20.000.000 đồng, bà Ka R viết giấy vay tiền và cùng ông K' Đ ký, ghi họ tên, thời hạn vay đến cuối tháng 12/2017 sẽ trả nợ. Về lãi suất cho vay không ghi trong cho vay tuy nhiên cuối tờ giấy vay có thể hiện nội dung trả lãi đến hết tháng 02/2018, không ghi số tiền lãi.

Tại sổ ghi nợ phân bón của ông Q thể hiện trong năm 2018 ông Q bán thiếu phân bón hóa học nhiều lần cho vợ chồng K' Đ, Ka R: Ngày 08/5/2018 bán 02 tạ NPK x 1.200.000 đồng/tạ=2.400.000 đồng, ngày 03/7/2018 bán 01 tạ NPK (hiệu Nga đỏ) là 1.250.000 đồng và 50 kg NPK giá 550.000 đồng, ngày 07/8/2018 bán 01 bao vôi giá 75.000 đồng, 01 bao phân nở giá 200.000 đồng, ngày 08/8/2018 bán 01 tạ Ure giá 860.000 đồng, ngày 02/10/2018 bán 06 tạ phân nở x 800.000 đồng/tạ = 4.800.000 đồng và 01 tạ NPK giá 1.250.000 đồng, 01 tạ Ure xanh 920.000 đồng. Tổng số tiền nợ phân bón là 12.305.000 đồng. Đến ngày 16/3/2020 trả nợ phân bón được 3.205.000 đồng. Về sổ nợ phân bón đã được ông Q gạch chéo lý do chuyển nợ này sang cùng với số nợ vay và ghi vào phía dưới cùng trang của giấy vay tiền ngày 29/3/2017. Ngày chốt nợ chuyển sang là ngày 16/3/2020, tổng chốt nợ lại cả tiền vay và tiền nợ phân bón chưa trả là 29.100.000 đồng, bà Ka R tự viết chốt nợ, ghi số nợ bằng chữ và ký tên. Tuy nhiên đến nay vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R không trả nợ cho ông Q. Tòa án có xác minh, triệu tập vợ chồng K' Đ, Ka R đến làm việc nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai nào.

Xét khoản nợ vay trên vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R nợ ông Q là có thật. Sau khi thụ lý vụ án, ngày 20/11/2023 ông Q trình bày ông K' Đ có trả thêm cho ông số tiền nợ phân bón là 3.000.000 đồng. Đến nay vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R không đến Tòa án làm việc, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện là đã trả hết nợ cho ông Q. Vì vậy ông Q khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông K' Đ và bà Ka R phải trả số tiền nợ là 26.100.000 đồng đồng là có căn cứ chấp nhận. Về lãi phát sinh theo ông Q trình bày tiền vay thỏa thuận 1,5%/tháng, đã trả lãi được hết tháng 02/2018, còn từ đó đến nay không trả lãi. Còn vợ chồng ông K' Đ không đến làm việc. Xét lãi suất trên phù hợp với quy định tại Điều 468 BLDS 2015 nên chấp nhận. Còn tiền lãi phát sinh đến nay ông Q không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đây là vụ án dân sự có giá ngạch, do yêu cầu của nguyên đơn ông Q được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn vợ chồng ông K' Đ và bà Ka R phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.305.000 đồng (26.100.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 275, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q đối với ông K' Đ và bà Ka R về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

Buộc ông K' Đ và bà Ka R phải trả cho ông Nguyễn Hữu Q số tiền 26.100.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc ông K' Đ và bà Ka R phải nộp 1.305.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu Q số tiền 725.500 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012926 ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy